

Bản án số: **134/2024/DS-ST**

Ngày: 13 - 9 - 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo.

Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quang M (D), sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông M: **Bà Đỗ Thị Ngọc V**, sinh năm 1965, địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện D tỉnh Bến Tre, là đại diện theo ủy quyền của ông M. (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 3 năm 2024). (Bà V có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 11/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024, bản tự khai ngày 29/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Đặng Quang M do bà Đỗ Thị Ngọc V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông M có tham gia chơi 01 dây hụi do bà Lê Thị V làm chủ hụi, hụi có lãi và có **hoa hồng**, cụ thể:

- Hụi 3.000.000 đồng, khởi kiện ngày 20/10/2022 (âm lịch), có 32 phần, ông M tham gia chơi 01 phần, khui vào ngày 20 hàng tháng, ông M đã đóng hụi sống được 12 lần với số tiền 30.000.000 đồng. Hụi đến lần khui thứ 13 là ngày 20/9/2023 (âm lịch) thì bà Lê Thị V tuyên bố bế hụi nửa chừng, từ khi bế hụi đến nay bà Lê Thị V không có trả cho ông M số tiền nào, mặc dù nhiều lần đến đòi nhưng bà Lê Thị V cứ hứa khi nào bán đất sẽ trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông M yêu cầu trả số tiền nợ hụi gồm vốn và lãi suất là 37.584.000 đồng nhưng nay ông M xác định chỉ lấy vốn là 30.000.000 đồng.

Do đó, nay ông M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Ông M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

* Đối với bà Lê Thị V là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt, mặc dù bà vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 11/9/2024. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà V là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông M có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị V làm chủ hụi vào năm 2022 và bà V còn nợ 30.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay ông M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại **Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 19/3/2024 của Công an xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Lê Thị V có đăng ký **thường trú** tại ấp Vinh Châu, xã Vang Quới Tây, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông M buộc bà Lê Thị V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ hụi 30.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ: Giấy Hui 3 triệu ngày 20/10/2022.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa ông M và bà Lê Thị V có giao dịch chơi hui với nhau vào năm 2022, theo đó ông M có tham gia chơi 01 phần hui 3.000.000 đồng, mở khui ngày 20/10/2022 (âm lịch), hui có 32 phần, hàng tháng ông M thực hiện nghĩa vụ đóng hui cho bà Lê Thị V đầy đủ, nhưng đến lần khui thứ 13 là ngày 20/9/2023 (âm lịch) thì bà Lê Thị V tuyên bố bẻ hui, ông M đã đóng hui sống được 12 lần với số tiền 30.000.000 đồng và đến nay chưa trả.

Đối với bà Lê Thị V trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[5]. Xét tài liệu, chứng cứ do ông M giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là: Giấy Hui 3 triệu ngày 20/10/2022, thể hiện: Hui 3 triệu, ngày 20/10/2022, có 32 phần, 01 tháng khui 01 kì, có liệt kê các thành viên tham gia, trong đó tại số thứ tự 16 có tên ông M nhưng ghi bằng tên thường gọi là Cậu 3 Dũng và ghi chủ hui là 2 Vân. Như vậy, chứng cứ này phù hợp với lời khai của nguyên đơn đã trình bày.

Mặt khác, bà Lê Thị V không có ý kiến gì về chứng cứ do ông M giao nộp, **không đến Tòa án để giải quyết**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ **các giấy triệu tập, các** tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, ra **yêu cầu** cho bà Lê Thị V có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình “*về việc ông M có yêu cầu bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 37.584.000 đồng*” nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bà Lê Thị V vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông M, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do ông M giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại **khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự**, nên xem như mặc nhiên bà thừa nhận còn nợ ông M số tiền nợ hui **nêu trên**.

Nay bà Lê Thị V làm chủ hui nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía ông M số tiền hui mà ông M đã đóng khi tuyên bố bẻ hui, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui theo quy định tại **Điều 23** của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, nên ông M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị V trả nợ hui là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về lãi suất:

Ông M chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của **ông** và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận toàn bộ, nên bà Lê Thị V phải chịu án phí của số tiền 30.000.000 đồng là:

$$30.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.500.000 \text{ đồng.}$$

Nhưng xét đơn xin miễn, giảm nộp tiền tạm ứng án phí và án phí của bà Lê Thị V **do** bà là người cao tuổi. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Bà Lê Thị V thuộc diện người cao **tuổi**, nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí Tòa án. Vì vậy, bà Lê Thị V được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 1** Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, húì, biên, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; **điểm đ khoản 1 Điều 12** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quang M đối với bà Lê Thị V về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hui*”.

2. Buộc bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Quang M số tiền nợ hui là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Quang M không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chiêm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Lê Thị V được miễn nộp toàn bộ án phí.

5.2. Ông Đỗ Quang M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 939.600 đồng (Chín trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0001967 ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Đỗ Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Lê Thị V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

